

Đơn vị: **SỞ CÔNG THƯƠNG**
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 4 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2020 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với quý I/2019 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
I	Số thu	1.170	51,08	11,61	49,67
1	Thu lệ phí				
2	Thu phí	440	51,084	11,61	49,67
2.1	Phíkinh doanh thương mại có điều kiện	45	25,8	57,33	148,28
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	350	18,124	5,18	26,82
2.3	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động điện lực	10	0,8	8,00	17,39
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	9		-	-
2.5	Phí thẩm định cấp giấy CN cơ sở đủ ĐKATTP	21	6,36	30,29	164,34
2.6	Phí thẩm định cấp giấy CN đủ điều kiện sản xuất, KD hóa chất	5		-	
3	Số thu sự nghiệp	730	0	-	-
3.1	Thu từ hoạt động tư vấn, giám sát công trình điện	480			
3.2	Thu từ đào tạo, tập huấn các lớp kinh doanh xăng dầu, khí ga hóa lỏng, vật liệu nổ CN	250			
II	Chi từ nguồn thu được để lại	1.058	0	-	-
I	Chi sự nghiệp kinh tế	682	0	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	682			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với quý I/2019 (tỷ lệ %)
2	Chi quản lý hành chính	376	0	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	376	0	-	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số nộp ngân sách nhà nước	112			
1	Lệ phí				
2	Phí	64	16,064	25,06	91,12
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	22,5	12,9	57,33	148,28
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	35	1,812	5,18	26,81
2.3	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động điện lực	1	0,08	8,00	17,39
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	0,9		-	-
2.5	Phí thẩm định cấp giấy CN cơ sở đủ ĐKATTP	4,2	1,272	30,29	32,87
2.6	Phí thẩm định cấp giấy CN đủ điều kiện sản xuất, KD hóa chất	0,5		-	
3	Sự nghiệp	48	0	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.678	1.581,42	11,56	102,45
1	Chi quản lý hành chính	5.413	1.282,42	23,69	104,97
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.305	1.260,21	23,76	103,15
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	108	22,21	20,56	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	478		-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	478			-
3	Chi hoạt động kinh tế	7.787	299	3,84	92,86
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.255	299	23,82	92,86
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.532		-	-

Ngày 06 tháng 4 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Văn Quảng